CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***521 618***	***99 255***	***423 663***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**79 832**	**3 095**	**76 737**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***5 200***	***3 095***	***2 105***			
1		XD CN MỎ	10/06	985/06		BN 2056	CỤC XÔ 1C	1 000	567	433	DỞ	TD	
2		KDT THANH HOÁ	12/06	955/06	30/6	TÂN PHÚC 01	CÁM 5A.1	3 200	1 531	1 669	DỞ	PTCB	
3		KDT HÀ NỘI	10/06	992/06		PT 2698	CÁM 4B.1	1 000	997	3	12/06		
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***74 632***		***74 632***			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CÁM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÙN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÙN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		XD CN MỎ	30/05	631/04	31/05	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		XD CN MỎ	30/05	730/04	31/05	BN 2276	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
8		XD CN MỎ	30/05	751/04	31/05	BN 0679	CÁM 4B.1	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
9		KDT BẮC THÁI	30/05	760/04	31/05	BN 1818	CÁM 1	1 980		1 980		TD	GIA HẠN L1
10		KDT BẮC THÁI	30/05	761/04	31/05	NB 8011	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
11		KDT BẮC THÁI	30/05	762/04	31/05	BN 1363	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
12		CROMIT THANH HOÁ	30/05	786/04	31/05	HD 2558	CỤC XÔ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L1
13		CROMIT THANH HOÁ	31/05	796/04	31/05	HD 2266	CÁM 4B.1	1 980		1 980		TD	
14		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
15		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
16		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
17		CP HÀNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÙN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SỐ 818/05 NGÀY 05/05/2025
18		ĐT TMDV VINACOMIN	03/06	832-B/05	18/06	BN 2122	CÁM 4B.1	2 000		2 000		TD	THAY TBGT SỐ 832/05 NGÀY 06/05/2025
19		THAN SÔNG HỒNG	02/06	834/05	17/06	BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
20		DVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
21		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	NĐ 2926	BÙN 3B	1 408		1 408		TD	
22		KDT NINH BÌNH	14/05	878/05	31/05	BN 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005			
23		THAN UÔNG BÍ	14/05	880/05	31/05	BN 1886	BÙN 3B	900		900		TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
24		KDT CẦU ĐUỐNG	15/05	884/05	31/05	BN 2056	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
25		KDT BẮC THÁI	18/05	892/05	31/05	BN 0746	CÁM 1	750		750		TD	THAY TBRT SỐ 572/03 NGÀY 29/04/2025
26		V-TRACO	21/05	914-B/05	31/05	BN 0979	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	Thay TBGT số 914/05 ngày 21/05/2025

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
27		KDT BẮC THÁI	28/05	932/05	31/05	HD 1818	CÁM 1	1 981		1 981		TD	
28		KDT BẮC THÁI	28/05	933/05	31/05	BN 1158	CÁM 2A.1	1 250		1 250		TD	
29		KDT BẮC THÁI	28/05	934/05	31/05	BN 2033	CÁM 4A.1	1 250		1 250		TD	
30		VTT VINACOMIN	28/05	937/05	31/05	BN 1468	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
31		CROMIT THANH HOÁ	29/05	943/05	31/05	HD 2095	CỤC XÔ 1C	1 988		1 988		TD	
32		CROMIT THANH HOÁ	29/05	944/05	31/05	NB 8927	CÁM 4B.1	3 020		3 020		TD	
33		KDT CẦU ĐUỐNG	31/05	947/05	31/05	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
34		KDT HÀ NỘI	31/05	948/05	31/05	BN 1386	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
35		ĐT TMDV VINACOMIN	02/06	953/05	17/06	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
36		DVVT QUẢNG NINH	02/06	955/05	17/06	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
37		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
38		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020			
39		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XÔ 1C	1 550		1 550		TD	
40		THAN SÔNG HỒNG	06/06	977/06		BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
41		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
42		ĐAM HÀ BẮC	11/06	987/06	26/6	QN 4320	CÁM 4A.1	1 700		1 700			
43		CROMIT THANH HOÁ	11/06	988/06	26/6	CHÍ THÀNH 69	CÁM 5A.1	3 250		3 250		PTCB	
44		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
45		XD CN MỎ		991/06		BN 1835	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
46		ĐẠM NINH BÌNH	12/06	994/06	30/06	NB 8955	CÁM 4A.1	3 045		3 045			
	Tàu chuyển tải							**239 400**	**60 587**	**178 813**			
	Tàu đang làm hàng							***91 450***	***60 587***	***30 863***			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	05/06	975/06		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 5A.14	20 600	20 567	33	12/6		KDT CP:10.433 - CLM:10.134
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	04/06	966/06		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 150	14 900	8 250	DỞ		TTHG:20.000 - KVCP:3.150
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	06/06	980/06		HẢI NAM 81	CÁM 6A.1	47 700	25 120	22 580	DỞ		TTCO:25.000 - 22.700
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***147 950***		***147 950***			
1		CP DK HÀ TĨNH	02/06	957/05	17/06	VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750		22 750			TTCO:22.750
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	974/06		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 5B.14	26 000		26 000			TTHG:13.000 - KDT CP:13.000
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	976/06		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	25 500		25 500			TTCO:25.500
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	09/06	982/06		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 000		46 000			TTCO: 26.000 - TTHG:20.000
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 1		990/06		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 700		27 700			TTHG: 22.000 -KVCP:5.700
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**47 311**	**6 739**	**40 572**			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm hàng							***6 786***	***6 739***	***47***			
1		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	09/6	421	24/6	BN - 2203	CÁM 8A	1 560	1 559	1	12/6	TD	
2		MIỀN TRUNG	11/6	485	26/6	Trung Thành 168	CÁM 8A	1 900	1 867	33	12/6	TD	
3		MIỀN BẮC	10/6	487B	26/6	BN - 2189	CÁM 7c	1 400	1 390	10	12/6	PT CB	
4		MIỀN BẮC	12/6	557	27/6	BN - 2835	CÁM 7B	1 926	1 923	3	12/6	PT CB	
	Tàu đã làm lệnh							***40 525***		***40 525***			
1		COALIMEX	01/6	1 539	14/6	BN - 1835	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
2		HÀ NỘI	31/5	1 552	31/5	BN - 2022	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
3		CP ĐTTM&DV	31/5	1 565	31/5	BN - 1936	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
4		CROMIT THANH HOÁ	31/5	1 565	31/5	NB - 8881	CÁM 8A	780		780		TD	
5		SX TM THAN UÔNG BÍ	31/5	1 572	31/5	BN - 1997	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
6		CẦU ĐUỐNG	01/6	22	14/6	BN - 2269	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
7		COALIMEX	02/6	80	15/6	THANH BÌNH 05	CÁM 7A	3 000		3 000		PT CB	
8		CP DVVT QNINH	02/6	87	15/6	BN - 2646	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
9		CP DVVT QNINH	03/6	112	16/6	BN - 2556	CÁM 8A	1 650		1 650		TD	
10		CP ĐTTM&DV	03/6	125	16/6	BN - 2335	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
11		COALIMEX	03/6	137	16/6	HD - 2299	CÁM 8A	1 976		1 976		PT CB	
12		SÔNG HỒNG	03/6	141	16/6	HN - 1645	CÁM 8A	996		996		TD	
13		CẦU ĐUỐNG	03/6	154	16/6	BN - 1468	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
14		MIỀN BẮC	04/6	191	17/6	BN - 2699	CÁM 7B	1 963		1 963		PT CB	
15		CP DVVT QNINH	04/6	193	17/6	HN 2422	CÁM 8A	2 100		2 100		TD	
16		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	04/6	197	17/6	BN - 1829	CÁM 8A	1 660		1 660		TD	
17		CP ĐTTM&DV	04/6	219	17/6	BN - 1299	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
18		CP ĐTTM&DV	04/6	220	17/6	BN - 0988	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
19		CẦU ĐUỐNG	04/6	221	17/6	BN - 1368	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
20		MIỀN BẮC	04/6	231	17/6	BN - 2189	CÁM 7B	1 400		1 400		PT CB	
21		CP ĐTTM&DV	04/6	232	17/6	BN - 1988	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
22		CẦU ĐUỐNG	05/6	244	19/6	BN - 0739	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
23		CẦU ĐUỐNG	06/6	292	20/6	BN - 0737	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
24		CP DVVT QNINH	08/6	385	23/6	BN - 2016	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
25		CP ĐTTM&DV	09/6	423	24/6	BN - 1666	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
26		CP VT&KD THAN	10/6	473	25/6	BN - 0679	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
27		CPVT THUỶ	10/6	475	25/6	BN - 2196	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
28		HÀ NỘI	11/6	517	26/6	BN - 1997	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
29		XD CN MỎ	12/6	561	27/6	HD - 7989	CÁM 8A	1 850		1 850		TD	
30		THANH HOÁ	12/6	562	27/6	BN - 1386	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
31		CẦU ĐUỐNG	12/6	581	27/6	BN - 0808	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	
32		HÀ NAM NINH	12/6	567	27/6	BN - 2225	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**-**	**-**	**-**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**15 075**	**9 255**	**5 820**			
	Tàu đã làm hàng							***9 584***	***9 255***	***329***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (HẢI NAM 88)	10/6	15		SƠN HẢI 08	Cám 6a.1	3 420	3 171	249	12/6		
2		ĐT TM DV VINACOMIN	10/6	450	25/6	BN 1309	Cục 1b	1 050	1 040	10	12/6	TD	
3		KDT MIỀN BẮC	11/6	533	26/6	NB 6490	Cám 5b.1	1 870	1 859	11	12/6	CBPT	
4		CBT QUẢNG NINH	12/6	556	27/6	QN 7565	Cám 5b.1	1 974	1 925	49	12/6	CBPT	
5		KDT MIỀN BẮC	12/6	560	27/6	BN 1959	Cám 5b.1	1 270	1 260	10	12/6	CBPT	
	Tàu đã làm lệnh							***5 491***		***5 491***			
1		VTT VINACOMIN	10/6	474	25/6	BN 2646	Don 8a	1 020		1 020		TD	
2		KDT MIỀN BẮC	12/6	559	27/6	VTT 39	Cám 5b.1	3 400		3 400		CBPT	
3		VTT VINACOMIN	12/6	566	27/6	BN 2397	Don 8a	1 071		1 071		TD	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**50 000**	**-**	**50 000**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***50 000***		***50 000***			
1		Nhật Bản	09/06	3 319		MV MIMOSA	CÁM 3B.1	25 000		25 000			TTCO:14.000 - TTHG:8.000 - KDT MIỀN BẮC:3.000
2		Nhật Bản	12/06	3426		MV PACIFIFC MELODY	CÁM 3B.1	25 000		25 000			KVCP:16.000 - TTHG:9.000
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**90 000**	**19 580**	**71 720**			
	Tàu đã làm hàng							***70 000***	***19 580***	***51 720***			
1		NAM PHI	31/5	CLM		DELAN DUFF		15 000	12 700	2 300	DỞ		
2		ÚC	31/5	CLM		W-SMASH		20 000		20 000	DỞ		
3		LÀO	20/05	CLM		VIỆT THUẬN 235-02		15 000	5 580	9 420	DỞ		
4		úC	31/5	CLM		CL LOUDI		20 000	1 300	20 000			
	Tàu đã làm lệnh							***20 000***		***20 000***			
1		ÚC	31/5	CLM		NBA VERMEER		20 000		20 000			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	